

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUỐC SẮT TRÙNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số 130/CV-TST

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2024

V/v: Giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận  
năm 2023 so với cùng kỳ năm trước.

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

Tên công ty: CTY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 102 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đakao, Q1, TP.HCM

Mã chứng khoán: VPS

Thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 của Công ty cổ phần Thuốc sắt trùng Việt Nam;

Chúng tôi xin giải trình về trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm trước, như sau:

**SỐ LIỆU BÁO CÁO RIÊNG**

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	
				Giá trị	% +/-
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp DV	528.655.324.496	565.950.201.809	-37.294.877.313	-6,59%
2	Các khoản giảm trừ D.thu	33.006.425.124	30.610.636.764	2.395.788.360	7,83%
3	Doanh thu thuần	495.648.899.372	535.339.565.045	-39.690.665.673	-7,41%
4	Giá vốn hàng bán	340.462.037.004	384.220.342.452	-43.758.305.448	-11,39%
5	Lợi nhuận gộp	155.186.862.368	151.119.222.593	4.067.639.775	2,69%
6	Doanh thu H.động tài chính	7.576.639.400	7.181.905.078	394.734.322	5,50%
7	Chi phí tài chính	12.552.287.649	10.728.106.624	1.824.181.025	17,00%
8	Chi phí bán hàng	79.202.626.473	73.075.391.066	6.127.235.407	8,38%
9	Chi phí quản lý	50.700.575.877	49.757.031.273	943.544.604	1,90%
10	LN thuần từ HĐKD	20.308.011.769	24.740.598.708	-4.432.586.939	-17,92%
11	Lợi nhuận khác	176.283.730	-183.095.316	359.379.046	196,28%
12	Tổng LN trước thuế	20.484.295.499	24.557.503.392	-4.073.207.893	-16,59%
13	Tổng LN sau thuế	17.213.573.460	20.094.286.912	-2.880.713.452	-14,34%



## SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	
				Giá trị	% +/-
1	<b>Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ</b>	<b>563.274.070.396</b>	<b>594.008.846.504</b>	-30.734.776.108	-5,17%
2	Các khoản giảm trừ D.thu	33.122.387.587	30.727.625.577	2.394.762.010	7,79%
3	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>530.151.682.809</b>	<b>563.281.220.927</b>	<b>-33.129.538.118</b>	<b>-5,88%</b>
4	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>365.264.454.671</b>	<b>403.896.766.540</b>	<b>-38.632.311.869</b>	<b>-9,56%</b>
5	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>164.887.228.138</b>	<b>159.384.454.387</b>	<b>5.502.773.751</b>	<b>3,45%</b>
6	Doanh thu H.động tài chính	4.377.644.241	4.480.007.655	-102.363.414	-2,28%
7	Chi phí tài chính	12.992.011.353	11.070.429.624	1.921.581.729	17,36%
8	Chi phí bán hàng	80.928.903.555	74.377.866.930	6.551.036.625	8,81%
9	Chi phí quản lý	55.550.927.095	54.706.092.956	844.834.139	1,54%
10	<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>19.793.030.376</b>	<b>23.710.072.532</b>	<b>-3.917.042.156</b>	<b>-16,52%</b>
11	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>175.721.142</b>	<b>1.244.401.894</b>	<b>-1.068.680.752</b>	<b>-85,88%</b>
12	<b>Tổng LN trước thuế</b>	<b>19.968.751.518</b>	<b>24.954.474.426</b>	<b>-4.985.722.908</b>	<b>-19,98%</b>
14	<b>Tổng LN sau thuế</b>	<b>14.281.971.137</b>	<b>18.556.684.676</b>	<b>-4.274.713.539</b>	<b>-23,04%</b>

Doanh thu hợp nhất giảm 30,73 tỷ đồng tương đương 5,71%, doanh thu báo cáo riêng giảm 37,29 tỷ đồng tương đương 6,59%. Trong năm 2023 giá nguyên vật liệu đầu vào giảm, giúp cho giá vốn bán hàng bán giảm so với năm 2022 lần lượt theo báo cáo hợp nhất 3,15% và báo cáo riêng 3,49%, điều này giúp tỷ lệ lợi nhuận gộp năm 2023 tăng so với năm 2022.

Sức tiêu thụ thuốc bảo vệ thực vật năm 2023 của Vipesco không đạt được như năm 2022, để ổn định và thực hiện những chỉ tiêu đề ra cho năm 2023, công ty phải tăng cường các hoạt động, điều này làm tăng các khoản chi phí quản lý, bán hàng, chính sách so với năm 2022 khoản 3,67% theo báo cáo hợp nhất và 4,35% theo báo cáo riêng. Tỷ lệ nhóm chi phí quản lý, bán hàng, chính sách tăng cao hơn so với tỷ lệ giảm của giá vốn hàng bán làm cho lợi nhuận năm 2023 thấp hơn cho với năm 2022.

Trong kỳ Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 căn cứ vào quyết định số 1150/QĐ-KTNN ngày 31/08/2023 của Tổng kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 và thông báo kết luận số 63/TB-KTNN ngày 08/01/2024. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31/12/2022 được điều chỉnh và giải trình trong thuyết minh số 37 (báo cáo tài chính riêng) và thuyết minh số 39 (báo cáo hợp nhất).

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC, TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN THÂN**

